

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI,
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2020/DS-ST
Ngày: 10/9/2020
V/v tranh chấp “Hợp đồng dân
sự, hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thiện Lai

Ông Trịnh Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 231/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự, hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 392/2020/QĐ-ST ngày 30/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 382/2020/QĐ-ST ngày 21/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp Phú Hạ 2, xã K. T, huyện C.M, tỉnh An Giang, (Có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp Phú Hạ 1, xã K.T, huyện C. M, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Nh trình bày: bà có tham gia 02 dây hội do bà Lê Thị L làm chủ, loại hội hoa hồng. Đến kỳ mở hội, hội viên nào mở hội giá cao thì được lĩnh hội. Chủ hội có trách nhiệm thu tiền các hội viên khác giao cho hội viên được lĩnh hội và hưởng hoa hồng, cụ thể:

- Dây hội thứ nhất 2.000.000 đồng/tháng, hội khai ngày 20/4/2018 (al), gồm 24 hội viên, tham gia 01 chân hội, đóng được 21 lần là 42.000.000 đồng.

- Dây hội thứ hai 3.000.000 đồng/tháng, hội khai ngày 25/4/2018 (al), gồm 24 hội viên, tham gia 01 chân hội, đóng được 21 lần là 63.000.000 đồng.

Như vậy, 02 dây hui trên tổng cộng đóng hui sống cho bà L là 105.000.000 đồng. Nay, bà Nh yêu cầu bà L trả cho bà số tiền là 105.000.000 đồng (*Một trăm lẻ năm triệu*), không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: tờ tự khai của bà Nguyễn Thị Nh và 02 danh sách hui viên, thể hiện chi tiết đầy đủ những người tham gia chơi hui.

- Khi Tòa án thụ lý vụ án, tiến hành mở các phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ nhưng phía bị đơn do đã bỏ đi khỏi địa phương. Quá trình xác minh tại Công an xã K.T, huyện C.M, tỉnh An Giang thì bà Lê Thị L (tên thường gọi là vợ Ba Lương) kể từ thời điểm sau tết nguyên đán đến nay đã bỏ địa phương đi đâu không rõ nhưng hộ khẩu thường trú vẫn còn tại địa phương. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật và ghi nhận sự vắng mặt của bà Lê Thị L tại các phiên hòa giải. Vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: không có.

- Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm chứng cứ nào khác; lời trình bày của bà Nh phù hợp về số tiền hui của 02 dây hui mà bà tham gia đóng cho bà Lê Thị L; yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ trả số tiền mà bà tham gia đóng hui cho bà Loan là 105.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Khi Tòa án thụ lý vụ án, tiến hành mở các phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ nhưng phía bị đơn do đã bỏ đi khỏi địa phương. Quá trình xác minh tại Công an xã K.T, huyện C.M, tỉnh An Giang thì bà Lê Thị L (tên thường gọi là vợ Ba Lương) kể từ thời điểm sau tết nguyên đán đến nay đã bỏ địa phương đi đâu không rõ nhưng hộ khẩu thường trú vẫn còn tại địa phương.

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập đến lần thứ hai nhưng phía bị đơn Lê Thị L vắng mặt, các thủ tục tổng đạt, niêm yết được thực hiện theo đúng quy định, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng. Đối với bị đơn tuy được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ bà Nh khởi kiện là các sổ hui ngày 25/4/2018 (al), 20/4/2018 (al), thể hiện tên các hui viên và số tiền giao dịch. Bà Mai Thị Th, Phan Thị C cùng tham gia hui do bà L làm chủ cũng xác định bà Nh có tham gia hui do bà L làm chủ. Do đó, việc bà L làm chủ hui và ngưng mở hui ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Nh nên bà Nh khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 105.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự, xem xét quyết định:

Công nhận hợp đồng hui giữa bà Nguyễn Thị Nh đối với bà Lê Thị L.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh.

Buộc bà Lê Thị L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền hui 105.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Nguyễn Thị Nh khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị L trả nợ hui, do bà Lê Thị Loan có nơi cư trú tại: ấp Phú Hạ 1, xã K. T, huyện C. M, tỉnh An Giang căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[2] Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: trước khi phiên tòa được mở, bị đơn Lê Thị L vắng mặt tuy đã được triệu tập hợp lệ, Tòa án thực hiện các thủ tục niêm yết theo đúng quy định pháp luật đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Loan.

[3] Về nội dung vụ án: theo đơn khởi kiện bà Nh yêu cầu bà Lê Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ hui mà bà đã đóng hai dây hui với tổng số tiền là 105.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nh, bà xác định có tham gia 02 dây hui do bà L làm chủ, cụ thể: dây hui thứ nhất 2.000.000 đồng/tháng, hui khai ngày 20/4/2018 (al), gồm 24 hui viên, tham gia 01 chân hui, đóng được 21 lần là 42.000.000 đồng và dây hui thứ hai 3.000.000 đồng/tháng, hui khai ngày 25/4/2018 (al), gồm 24 hui viên, tham gia 01 chân hui, đóng được 21 lần là 63.000.000 đồng. Bà tham gia đóng hui đầy đủ cho bà L, hui chưa mãn nhưng bà L tự ý ngưng hui và bỏ địa phương đi cho đến nay.

Tài liệu, chứng cứ bà Nh cung cấp có 02 danh sách hui viên thể hiện đầy đủ tên hui viên tại 02 dây hui mà bà tham gia.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập các chứng cứ thể hiện như sau:

Tại biên bản xác minh ngày 01/9/2020 tại Ban nhân dân ấp Phú Hạ 1 xác nhận: “khi xác bên tham gia chơi hui do bà Lê Thị L làm chủ hui thì địa phương không rõ, tuy nhiên khi bà Lê Thị L (vợ 3 Lương) bỏ địa phương đi kể từ sau tết nguyên đán (khoảng giữa tháng 2/2020) thì có nhiều hui viên cho biết bà L làm chủ hui, hui chưa mãn nhưng bà L tự ý ngưng hui, giật hui và bỏ địa phương đi”.

Tại Biên bản xác minh cùng ngày tại Công an xã K.T, huyện C.M cung cấp: “sau khi bà Lê Thị L (tên thường gọi là vợ 3 Lương), có địa chỉ thường trú trong xã bỏ địa phương đi thì có nhiều hội viên đến trình báo bà L làm chủ hội bị bẻ hội, hội chưa mãn nhưng bà L tự ý ngưng hội nên phía Công an xã có hướng dẫn những người thma gia chơi hội với bà L khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án. Ngoài ra, bà L bỏ địa phương từ tết nguyên đán đến nay nhưng hộ khẩu vẫn còn đăng ký thường trú tại địa phương”.

Bà Nguyễn Thị Nh xác định chủ hội trên là bà Lê Thị L (vợ 3 Lương) có nơi cư trú tại ấp Phú Hạ 1, xã K.T, huyện C.M, tỉnh An Giang. Theo 02 danh sách hội viên mà bà Nh cung cấp thể hiện rõ đây hội 3.000.000 đồng khai ngày 25/4/2018 al do bà L làm chủ hội có 24 hội viên tham gia. Bà tham gia 01 chân hội với tên là “Nhằm” và đây hội 2.000.000 đồng/tháng, hội khai ngày 20/4/2018 (al), gồm 24 hội viên, bà đều ở vị trí 16 trong danh sách hội viên.

Quá trình xác minh, lấy lời khai của những người cùng tham gia chơi hội chung 02 đây hội với ông Bà Nguyễn Thị Nh trong 02 danh sách hội viên xác định:

Người làm chứng Mai Thị Th khai: tại đây hội 2.000.000 đồng do bà Lê Thị L làm chủ hội, hội khai ngày 20/4/2018 Al bà có tham gia 01 chân trong danh sách hội viên bà Th tham gia với tên là T lý do (bà lấy tên chồng là Tuấn) để tham gia vì bà là người trực tiếp giao hội, trong danh sách hội viên thì “Tuấn” đều ở vị trí thứ 9. Bà Phan Thị C tham gia ở hai đây hội đều ở vị trí 24; Bà Th, bà C đều xác định trong 02 đây hội này các bà chơi chung với bà Nguyễn Thị Nh tham gia ở vị trí số 16.

Ngoài ra, còn phù hợp với lời khai của những người khác như Châu Văn Đ, Chế Thị Th (Bồn), Nguyễn Văn B cũng là những người trực tiếp tham gia vào 02 đây hội nói trên do bà Lê Thị L trực tiếp làm chủ hội có bà Nhằm tham gia chơi. Hội chưa mãn, nhưng bà L những hội và bỏ địa phương đi cho đến nay.

Do đó, có đủ căn cứ xác định giữa bà Nguyễn Thị Nh và bà Lê Thị L có xác lập hợp đồng dân sự, hội trên cơ sở thỏa thuận, tự nguyện, hội có lãi nhưng không thỏa thuận mức lãi cụ thể. Đây là hợp đồng hội có lãi, việc xác lập hợp đồng hội giữa các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 282, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ trên cho thấy bà Lê Thị L là chủ hội đã thu các phần hội của các hội viên, trong đó thu tiền hội từ 02 đây hội do bà Nh là hội viên đóng, hội chưa mãn, (bà Nh vẫn chưa hốt hội), bà L thu hội nhưng tự ý ngưng hội là vi phạm nghĩa vụ. Do đó, bà Nhằm khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị L trả lại số tiền hội đã nợ phần vốn gốc đối với 02 đây hội với số tiền 105.000.000đ là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Nh xác định không yêu cầu tính lãi suất. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nh được hoàn lại 2.625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008465 ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Bị đơn bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bà Nhẩm yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Nh.

Buộc bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền nợ hui là 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.250.000 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn).

Bà Nguyễn Thị Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.625.000 đồng theo biên lai thu số 0008465 ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Nh được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt, bà Lê Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biên bản nghị án kết thúc lúc.....giờ.....phút cùng ngày. Có đọc lại nội dung cho các thành viên trong hội đồng cùng nghe và thống nhất ký tên vào biên bản.

THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hà Huy Phong